

## BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN HÓA CHẤT (SDS)

Tên sản phẩm: ĐỒNG (II) SUNPHAT – CuSO<sub>4</sub>

### MỤC 1: NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

- Tên hóa chất:** Đồng (II) sunphat
- Công thức hóa học:** CuSO<sub>4</sub> hoặc CuSO<sub>4</sub>·5H<sub>2</sub>O (dạng ngậm nước)
- Mã CAS:**
  - 7758-98-7 (CuSO<sub>4</sub> khan)
  - 7758-99-8 (CuSO<sub>4</sub>·5H<sub>2</sub>O – dạng phổ biến)
- Tên khác:** Phèn xanh, vitriol xanh
- Sử dụng đã định:** Thuốc trừ nấm, sản xuất hóa chất đồng, xử lý nước, chất tạo màu
- Thông tin nhà cung cấp tại Việt Nam:**

Tên công ty: Công ty TNHH MTV Đức Mai Khôi  
Mã số thuế: 0314051291  
Địa chỉ: 702/67/9 Lê Đức Thọ, Phường An Hội Đông, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Số điện thoại khẩn cấp:** 0909.907.861 (Giờ hành chính)

### MỤC 2: NHẬN DẠNG MÔI NGUY HẠI

- Phân loại theo GHS:**
  - GHS07: Dấu chấm than
  - GHS09: Nguy hại môi trường
- Từ cảnh báo:** CẢNH BÁO
- Câu cảnh báo nguy hiểm:**
  - H302: Có hại nếu nuốt phải
  - H319: Gây kích ứng mắt nghiêm trọng
  - H410: Rất độc với sinh vật thủy sinh, ảnh hưởng lâu dài
- Câu phòng ngừa:**
  - P264: Rửa tay sau khi tiếp xúc
  - P270: Không ăn/uống khi đang sử dụng sản phẩm
  - P273: Tránh thải ra môi trường
  - P305+P351+P338: Nếu dính vào mắt: rửa nhẹ nhàng với nước

### MỤC 3: THÀNH PHẦN / THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN

- Tên thành phần:** Copper(II) sulfate pentahydrate
- CAS:** 7758-99-8
- Tỷ lệ:** ≥96% (dạng ngậm nước)
- Phân loại:** H302, H319, H410

### MỤC 4: BIỆN PHÁP SƠ CẤP

- Hít phải:** Đưa nạn nhân ra nơi thông thoáng, hỗ trợ hô hấp nếu cần
- Tiếp xúc da:** Rửa sạch bằng nước và xà phòng
- Tiếp xúc mắt:** Rửa dưới vòi nước sạch ít nhất 15 phút, tháo kính áp tròng nếu có
- Nuốt phải:** Không gây nôn, súc miệng và đưa nạn nhân đến cơ sở y tế

### MỤC 5: BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

- Không dễ cháy,** nhưng có thể phân hủy tạo khí độc ở nhiệt độ cao
- Phương tiện chữa cháy:** CO<sub>2</sub>, bột, nước phun sương
- Khí phát sinh:** SO<sub>2</sub>, CuO (hơi độc)
- Trang bị bảo hộ:** Mặt nạ lọc khí và đồ bảo hộ kín

### MỤC 6: BIỆN PHÁP ỨNG PHÓ SỰ CỐ

- Biện pháp cá nhân:** Tránh tạo bụi, đeo mặt nạ và găng tay
- Biện pháp môi trường:** Tránh để rơi vào sông, hồ, ao, cống
- Cách xử lý:** Thu gom bằng dụng cụ không phát tia lửa, tránh bụi phát tán, chứa trong thùng kín

---

## MỤC 7: SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

- **Sử dụng:** Trong khu vực thông gió tốt, có hệ thống hút bụi
- **Bảo quản:** Bao bì kín, nơi khô ráo, tránh ánh nắng, ẩm ướt
- **Không tương thích:** Kim loại, axit mạnh, chất khử

---

## MỤC 8: KIỂM SOÁT PHOI NHIỄM / BẢO VỆ CÁ NHÂN

- **Giới hạn tiếp xúc (ACGIH):**
  - TWA (Cu): 1 mg/m<sup>3</sup>
- **Bảo hộ cá nhân:**
  - Hô hấp: Mặt nạ chống bụi nếu có bụi
  - Mắt: Kính bảo hộ chống hóa chất
  - Tay: Găng tay cao su hoặc nitrile
  - Da: Quần áo dài tay, phòng thí nghiệm

---

## MỤC 9: TÍNH CHẤT LÝ HÓA

- **Trạng thái:** Rắn, dạng tinh thể
- **Màu sắc:** Xanh lam (CuSO<sub>4</sub>·5H<sub>2</sub>O), trắng (CuSO<sub>4</sub> khan)
- **Mùi:** Không mùi
- **Điểm nóng chảy:** 110°C (mất nước)
- **Điểm sôi:** Phân hủy
- **pH (dung dịch 5%):** ~4.0
- **Tan trong nước:** Dễ tan
- **Tỷ trọng:** ~2.28 g/cm<sup>3</sup> (ngậm nước)

---

## MỤC 10: TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG

- **Ổn định ở điều kiện thường**
- **Tránh tiếp xúc với:** Kim loại dễ phản ứng, axit mạnh, chất khử
- **Phản ứng nguy hiểm:** Phân hủy tạo khí SO<sub>2</sub>, oxit đồng

---

## MỤC 11: THÔNG TIN ĐỘC TÍNH

- **LD50 (chuột, uống):** ~300 mg/kg
- **Tác động:**
  - Gây buồn nôn, đau bụng, tiêu chảy nếu nuốt
  - Kích ứng mắt, da và đường hô hấp nếu tiếp xúc thường xuyên

---

## MỤC 12: THÔNG TIN SINH THÁI

- **Rất độc với sinh vật thủy sinh (H410)**
- **LC50 (96h, cá):** <1 mg/L
- **Ảnh hưởng lâu dài:** Nguy cơ cao nếu xả thải không kiểm soát

---

## MỤC 13: BIỆN PHÁP XỬ LÝ

- **Không xả ra nguồn nước, cống thoát**
- **Chất thải:** Thu gom riêng, xử lý như chất thải nguy hại
- **Bao bì:** Rửa sạch nếu tái sử dụng hoặc xử lý đúng quy định

---

## MỤC 14: THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

- **UN Number:** UN 3077
- **Tên vận chuyển:** Copper(II) sulfate
- **Nhóm nguy hiểm:** 9 – Môi trường
- **Nhóm đóng gói:** III

---

## MỤC 15: THÔNG TIN QUY ĐỊNH

- **Tuân thủ:** GHS, TCVN 8402:2010, Thông tư 04/2012/TT-BCT
- **Cần khai báo nếu nhập khẩu, lưu kho, vận chuyển công nghiệp**

- **Không thuộc danh mục cấm, nhưng kiểm soát môi trường nghiêm ngặt**
- 

#### **MỤC 16: THÔNG TIN KHÁC**

- **Ngày biên soạn:** 04/07/2025
- **Nguồn tham khảo:** GHS, PubChem, REACH, TCVN
- **Lưu ý:** Cần sử dụng và bảo quản đúng cách để tránh nguy cơ độc hại với người và môi trường
- **Ghi chú:**
  - Thông tin trên dựa trên dữ liệu hiện có và chỉ dùng cho mục đích tham khảo an toàn, không thay thế tư vấn y tế hoặc pháp lý
  - Không sử dụng cho mục đích y tế hoặc thực phẩm. Chỉ dành cho mục đích nghiên cứu hoặc sản xuất có kiểm soát
  - Chỉ dùng cho mục đích thí nghiệm / kỹ thuật. Không dùng trực tiếp cho người nếu không có kiểm định y tế